

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph1**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2020

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình
- ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L X.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 98B/5, khóm B Th 1, phường B Kh, thành phố L X, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Ph, sinh năm 1994;

Địa chỉ: tổ 71, khóm B Đ 1, phường B Đ, thành phố L X, tỉnh An Giang.

(Bà H có đơn xin vắng mặt; ông Ph vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 17/6/2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Bà H và ông Ph kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B Đ, thành phố L X, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn,

thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không đạt được mục đích nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Ph. Cụ thể:

Về con chung: Bà H và ông Ph có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thiên Ph1, sinh ngày 11/02/2019 hiện đang sống chung với bà H. Sau khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph1, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án khác.

Bị đơn Nguyễn Tấn Ph vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà H yêu cầu ly hôn với ông Ph; bị đơn có địa chỉ tổ 71, khóm B Đ 1, phường B Đ, thành phố L X, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn ông Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân và gia đình:

Hôn nhân giữa bà H và ông Ph trên cơ sở tự tìm hiểu và được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cả hai không có biện pháp hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy ông Ph không cung cấp lời khai liên quan đến yêu cầu khởi kiện nhưng ông đã trực tiếp ký nhận văn bản tố tụng của Tòa điều này cho thấy mặc nhiên ông từ bỏ quyền của mình; bên cạnh đó có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H

là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3.2] Về con chung:

Bà H và ông Ph có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thiên Ph1, sinh ngày 11/02/2019 hiện đang sống chung với bà H. Sau khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên Ph1. Xét thấy, thời gian qua cháu Ph1 được bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Ph1 chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Ph cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà H. Để ổn định đời sống cho cháu Ph1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh Ph không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà H xác định không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của bà H không nợ chung ai, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có căn cứ cho rằng nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông Ph phải chịu trách nhiệm liên đới với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí:

Bà H có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Tấn Ph:

+ Về hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Ph.

+ Về con chung:

Sau khi ly hôn giao con chung cháu Nguyễn Thiên Ph1, sinh ngày 11/02/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Tấn Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không có yêu cầu.

Bà H phải tạo điều kiện cho ông Ph trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0004572 ngày 04/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L X, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo:

+ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

+ Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong